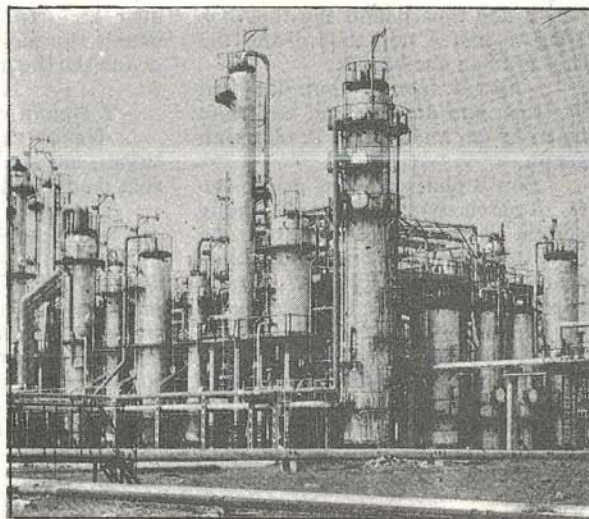


SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ TRONG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TIẾT VĨ MÔ NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 1996 - 2000 Ở VN



PTS. DƯƠNG THỊ BÌNH MINH

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu hàng đầu được xác định trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội ở VN cho đến năm 2000. Giai đoạn 1996 - 2000 là một giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế mà trọng tâm là đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dự kiến mức độ tăng trưởng thực bình quân của GDP là 10%, phần đầu tới năm 2000, GDP tăng từ 2,5 - 2,7 lần so với năm 1990, lạm phát kiềm chế ở mức từ 10 - 15%/năm. Với những mục tiêu phát triển kinh tế vĩ mô ở VN trong giai đoạn 1996 - 2000 đòi hỏi phải sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ hướng vào việc mở rộng nguồn vốn của xã hội, kích thích tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Định hướng và kích thích tăng trưởng kinh tế ổn định, lâu dài đòi hỏi nhà nước phải biết vận dụng linh hoạt và phối hợp các công cụ tài chính tiền tệ để tác động tới kinh tế. Do đó công cụ ngân sách nhà nước, các công cụ thuộc chính sách tiền tệ khi sử dụng chúng để quản lý vĩ mô nền kinh tế phải mang tính chiến lược và có tính quyết định đến mức tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công cụ ngân sách nhà nước có vai trò định hướng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nhà nước. Thuế và các khoản chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước là những công cụ bộ phận của ngân sách nhà nước có tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển kinh tế xã hội. Hiện nay và trong tương lai công cụ thuế được nhà nước sử dụng triệt để

để một mặt tạo nguồn tài chính cho nhà nước và một mặt thúc đẩy tích lũy vốn, điều tiết sản xuất và tiêu dùng theo hướng có lợi cho nền kinh tế quốc dân.

Thuế gián thu và thuế trực thu tác động tới tiết kiệm và đầu tư của khu vực doanh nghiệp theo những hướng khác nhau. Trên thực tế, thuế gián thu vừa tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước, vừa tạo ra môi trường bình đẳng ban đầu cho các doanh nghiệp và trên cơ sở đó các doanh nghiệp hoạt động, cạnh tranh nhau để phát triển. Thuế gián thu không làm ảnh hưởng lớn tới quá trình đầu tư và thực hiện tái đầu tư của các doanh nghiệp. Tùy theo chính sách kinh tế của nhà nước trong từng thời kỳ với việc đánh thuế gián thu vào lĩnh vực tiêu dùng cao hay thấp nhà nước sẽ điều chỉnh giá cả, cơ cấu của xã hội và sản lượng tiềm năng của nền kinh tế quốc dân. Chính vì vậy cần phải phối hợp một cách chặt chẽ các loại thuế trực thu và gián thu để điều tiết sản xuất và tiêu dùng; thực hiện cải cách hệ thống thuế theo hướng coi trọng thuế gián thu hơn thuế trực thu, giảm mức thuế trực thu đánh vào lợi nhuận đạt được của khu vực doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực này thực hiện tiết kiệm, đầu tư cho kinh doanh, tránh đánh thuế trùng lặp chồng chéo mà trước mắt là thay thuế doanh thu bằng thuế trị giá gia tăng, đánh thuế công bằng và có hiệu quả thì mới có tác dụng thúc đẩy khu vực doanh nghiệp và dân cư thực hiện tích tụ, đầu tư, đổi mới kỹ thuật và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt

động kinh doanh.

Chi đầu tư phát triển của ngân sách trong giai đoạn 1996 - 2000 và những năm tiếp theo được tập trung chủ yếu vào xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và một số ngành kinh tế mũi nhọn. Đây là hướng đầu tư trọng điểm và lâu dài của ngân sách nhà nước. Đầu tư vào lĩnh vực này có lợi cho sự cất cánh của nền kinh tế quốc dân, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế và cho phép nhà nước chủ động điều tiết sự hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Mặt khác vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cũng cần phải được tập trung đúng mức vào phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn (điều này trên thực tế chưa được quan tâm đúng mức) để chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại hóa. Trong giai đoạn hiện nay cần phải khẳng định là nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước giữ vị trí quan trọng trong tổng nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội vào nền kinh tế. Vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phải giữ vai trò định hướng, thu hút và tạo ra dòng chảy cho vốn đầu tư của các thành phần kinh tế và dân cư. Bên cạnh hình thức đầu tư cấp phát vốn vào các công trình kinh tế xã hội không có khả năng thu hồi vốn, cần tăng cường áp dụng hình thức tín dụng ưu đãi thuộc nguồn vốn của ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn thông qua hoạt động của quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, các quỹ hỗ trợ phát

triển và hình thức góp vốn cổ phần của nhà nước vào các doanh nghiệp.

Thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cần phải tăng cường đầu tư nâng cấp, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn, đặc biệt là hướng vào thủy lợi, giao thông vận tải, điện, thông tin liên lạc, hệ thống đường sá. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư của ngân sách cần huy động sự đóng góp của nhân dân ở địa phương để thực hiện đầu tư cho các dự án có quy mô vừa và nhỏ. Việc sử dụng ngân sách nhà nước với hai công cụ bộ phận quan trọng của nó là thuế và chi đầu tư phát triển cho phép ngân sách nhà nước tác động mạnh mẽ vào hoạt động của nền kinh tế xã hội. Ngân sách nhà nước là một công cụ được nhà nước sử dụng để can thiệp vào lĩnh vực kinh tế do đó muốn phát huy tác dụng hữu hiệu của nó trong quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế đòi hỏi ngân sách nhà nước phải có tiềm lực về tài chính và hoạt động lành mạnh, có hiệu quả. Vấn đề này liên quan đến cần đổi ngân sách cơ bản xử lý bội chi ngân sách nhà nước hiện nay. Về mặt lý luận được đề cập tới và trên thực tế cần phối hợp sự vận dụng đồng thời hai phương pháp cơ bản xử lý bội chi của ngân sách đó là tăng thu, giảm chi và thực hiện vay nợ trong và ngoài nước của chính phủ trong trường hợp bội chi ngân sách xuất phát từ yêu cầu đầu tư phát triển.

- Các công cụ thuộc chính sách tiền tệ, chính phủ có thể thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng hay thắt chặt. Chính sách mở rộng tiền tệ thường được áp dụng ở những nước có nền kinh tế với nhịp độ tăng trưởng thấp, nạn thất nghiệp gia tăng. Khi thực hiện chính sách mở rộng tiền tệ, lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế quốc dân tăng lên do đó sẽ dẫn đến việc mở rộng tín dụng vĩ mô lãi suất thấp. Điều này kích thích các nhà đầu tư và doanh nghiệp mở rộng đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế quốc dân. Đối với VN trong điều kiện thúc đẩy một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn và then chốt và trong điều kiện nền kinh tế đã có sự tăng trưởng, lạm phát được kiềm chế và kiểm soát được một bước thì đòi hỏi nhà nước phải vận dụng chính sách tiền tệ nới lỏng một cách thận trọng trong giai đoạn 1996 - 2000 và những năm tiếp theo. Khi thực thi mở rộng mức cung tiền tệ đòi hỏi nhà nước phải căn cứ vào tiềm năng phát triển kinh tế, khả năng tiêu thụ sản phẩm của toàn xã hội, sử

dụng lao động dồi dào và đặc biệt là xem xét hiệu quả đầu tư của nền kinh tế. Thoát ly những yếu tố đó, việc mở rộng khả năng cung ứng khối lượng tiền tệ mới cho nền kinh tế sẽ dẫn tới lạm phát, làm rối loạn lưu thông tiền tệ, rối loạn thị trường tài chính và hoạt động của nền kinh tế quốc dân.

Để đạt được mục tiêu của chính sách tiền tệ là tăng trưởng, phát triển môi trường tài chính, nâng cao tiết kiệm, đầu tư, kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ và tỷ giá hối đoái đòi hỏi ngân hàng nhà nước trung ương phải phát huy hữu hiệu vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô các hoạt động tiền tệ tín dụng trong nền kinh tế quốc dân bằng việc sử dụng các công cụ tài chính trực tiếp và gián tiếp để tác động tới khả năng cung ứng khối lượng tiền tệ mới cho nền kinh tế và xử lý có hiệu quả khối lượng tiền tệ đang tồn tại.

Trong giai đoạn này khi thị trường tài chính (gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn) chưa hoạt động đồng bộ và hoàn chỉnh do đó vẫn cần thiết có sự ăn khớp lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi mức sàn và mức trần của ngân hàng nhà nước trung ương và dần dần tiến tới chỉ hình thành mức lãi suất trần, áp dụng lãi suất tín dụng trung và dài hạn cao hơn lãi suất tín dụng ngắn hạn, thu hẹp khoảng cách giữa lãi suất ngoại tệ và lãi suất đồng VN. Điều này sẽ tác động tức thời đến việc mở rộng hay thu hẹp tín dụng trong nền kinh tế và khống chế khối lượng tiền trong lưu thông. Trên cơ sở mức lãi suất sàn và lãi suất trần các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng tự xác định mức lãi suất cụ thể của mình và tiến tới mở rộng phạm vi cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng tự do xác định lãi suất. Trong điều kiện hiện nay lãi suất vẫn chịu sự tác động của yếu tố chủ quan, của các yếu tố phi thị trường và chưa phản ánh được tín hiệu của thị trường thông qua quan hệ cung cầu các nguồn vốn ngắn, trung và dài hạn. Chỉ khi thị trường tài chính xuất hiện và hoạt động hoàn chỉnh thì cơ chế lãi suất thị trường mới hình thành và lúc đó hạn chế lại sự tác động của ngân hàng trung ương tới cơ chế hình thành lãi suất.

Các công cụ dự trữ bắt buộc, tái chiết khấu và lãi suất tái chiết khấu, công cụ thị trường mở là các công cụ tài chính gián tiếp tác động tới khả năng mở rộng hay thu hẹp tín dụng mà các ngân hàng thương mại cung ứng cho nền kinh tế quốc dân, tác động đến dự trữ của các ngân hàng thương mại và tác động tới khối tiền tệ của nền kinh tế. Vì vậy ngân hàng nhà nước trung ương cần coi trọng

việc sử dụng công cụ thị trường mở, công cụ tái chiết khấu và lãi suất tái chiết khấu trong việc điều hành chính sách tiền tệ của nhà nước, còn công cụ tỷ lệ tiền gửi bắt buộc được sử dụng để hỗ trợ cho hai công cụ nêu trên. Về mặt lý luận cũng như trong thực tế, thị trường mở là một công cụ quan trọng điều tiết lưu thông và liên quan trực tiếp đến cơ chế phát hành tiền của ngân hàng nhà nước trung ương. Trong điều kiện ở nước ta hiện nay, cần đưa công cụ thị trường mở vào hoạt động và tăng cường sử dụng công cụ này. Đây là công cụ có quan hệ hữu cơ với ngân sách nhà nước, nhất là khi nhà nước lựa chọn giải pháp xử lý bội chi ngân sách nhà nước bằng việc áp dụng tín dụng nhà nước thông qua phát hành trái phiếu chính phủ. Bằng công cụ thị trường mở đã tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước và hỗ trợ cho việc phát hành trái phiếu chính phủ được thuận lợi. Do đó việc vận dụng công cụ thị trường mở đòi hỏi trước mắt không chỉ đối với tín phiếu kho bạc mà ngay cả với trái phiếu kho bạc và các loại chứng chỉ đầu tư của nhà nước (trái phiếu công trình) cần phải phát hành theo phương thức đấu thầu thông qua hoạt động của ngân hàng nhà nước trung ương và các ngân hàng thương mại trong đó tăng cường vai trò của ngân hàng nhà nước trung ương trong việc phát hành tiền để mua trái phiếu chính phủ và sau đó thực hiện mua bán lại trái phiếu chính phủ với các ngân hàng thương mại, với các tổ chức kinh tế theo tín hiệu thị trường.

Công cụ tái chiết khấu và lãi suất tái chiết khấu ảnh hưởng tới khả năng vay nợ của các ngân hàng thương mại. Bằng việc sử dụng lãi suất chiết khấu và quản lý của số chiết khấu ngân hàng nhà nước trung ương có thể tác động đến khối lượng vay chiết khấu, đến mở rộng hay thu hẹp tín dụng trong nền kinh tế.

Để góp phần thực hiện mở rộng hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại, thúc đẩy mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh của các tổ chức kinh tế, ngân hàng nhà nước trung ương cần định rõ hơn việc vận dụng chính sách và công cụ tái chiết khấu, lãi suất tái chiết khấu. Có như vậy mới kích thích việc xuất hiện các loại thương phiếu, kỳ phiếu và chính chúng là cơ sở cho phép ngân hàng nhà nước trung ương vận dụng công cụ tái chiết khấu và lãi suất tái chiết khấu hữu hiệu để thực thi chính sách tiền tệ. Sử dụng các công cụ tài chính gián tiếp của chính sách tiền tệ cần phải góp phần tạo ra những tiền đề cơ bản cho sự ra đời và hoạt động của thị trường vốn trong tương lai ở nước ta.